

Bản án số 139/2023/HC-PT

Ngày 07-3-2023

V/v: yêu cầu hủy quyết  
định hành chính

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Tất Nam;  
Các Thẩm phán: ông Trần Quang Minh;  
ông Võ Hồng Sơn.

**- Thư ký phiên tòa:** bà Nguyễn Thị Thanh Mai - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội:** bà Phạm Thị Minh Hải - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 07 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 388/2022/TLPT-HC ngày 26 tháng 9 năm 2022 về yêu cầu hủy quyết định hành chính, do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án số 05/2022/HC-ST ngày 16-6-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1464/2023/QĐ-PT ngày 17-02-2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội giữa các đương sự:

**1. Người khởi kiện:** ông Hoàng Bá T sinh năm 1956; trú tại: phường Đ, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc; có mặt.

**Người đại diện theo ủy quyền:** bà Nguyễn Thị Thu P sinh năm 1995; trú tại: thôn B, xã H, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; có mặt.

**2. Người bị kiện:**

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

**Người đại diện hợp pháp:** ông Đào Văn Q - Phó Chủ tịch (theo ủy quyền); có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Đồng Đa, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

**Người đại diện hợp pháp:** ông Nguyễn Thành L - Phó Chủ tịch (theo ủy quyền); đề nghị xét xử vắng mặt.

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Ủy ban nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc; đề nghị xét xử vắng mặt.

+ Bà Hà Thị O và anh Đỗ Thế V; đều trú tại: TDP A, phường Đồng Đa, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc; đều vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Người khởi kiện trình bày: ngày 07/02/2002, ông Hoàng Bá T nhận chuyển nhượng quyền sử dụng khu đất và cây cối, hoa màu trên đất từ ông Hà Đăng P (nguồn gốc do ông P thừa kế từ bố đẻ là ông Hà Đăng T1). Khu đất ông T nhận chuyển nhượng của ông P gồm 03 thửa theo bản đồ 299/TTg. Cụ thể: Thửa số 129, tờ bản đồ 06, diện tích 360 m<sup>2</sup>, là đất ở và đất vườn, thửa đất này được tách từ thửa 777 m<sup>2</sup> của gia đình ông Hà Đăng P, phần còn lại gia đình ông P tiếp tục sử dụng đến năm 2017 thì chuyển nhượng cho ông Toàn; thửa đất số 131, tờ bản đồ 06, diện tích 400 m<sup>2</sup> là đất ao do năm 1977 lấy ra đóng gạch; thửa đất số 132, tờ bản đồ 06, diện tích 380 m<sup>2</sup>, là đất vườn, thời điểm mua đất có 01 cây xoan và 01 bụi tre. Khi ông T và gia đình ông P thực hiện việc chuyển nhượng đất, ông Hoàng Văn T2 khi đó là cán bộ địa chính phường Đồng Đa là người xác định mốc giới và làm thủ tục chuyển nhượng giữa hai bên. Toàn bộ hồ sơ gốc của việc mua bán, chuyển nhượng đất được ông T giao lại cho ông T2 để làm thủ tục chuyển nhượng và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCN) mới. Sau đó, do hoàn cảnh kinh tế khó khăn ông T phải đi làm ăn ở nơi khác, toàn bộ diện tích đất nhận chuyển nhượng từ ông P được giao cho người khác thuê, đến khi trở về sinh sống tại phần đất trên thì phát hiện: gia đình bà Hà Thị O cùng con trai là Đỗ Mạnh H, Đỗ Thế V đã chặt 31 cây xoan do ông T trồng, chuyển bụi tre ra ngoài khoảng 06 m; anh Đỗ Thế V là con trai của bà Hà Thị O lấn chiếm và làm nhà cấp 4 trên thửa đất 132; diện tích 220 m<sup>2</sup> thuộc thửa đất 132 (phần tiếp giáp nhà bà O) được đưa vào sổ đỏ nhà bà O từ năm 2006; gia đình bà O cùng các con là Đỗ Mạnh H, Đỗ Thế V đã lấp toàn bộ ao thuộc thửa 132 của gia đình ông T, sử dụng đến nay không trả. Do đó, ngày 01/10/2016 ông T có gửi đơn đến UBND phường Đồng Đa đề nghị giải quyết. Ngày 11/5/2017 UBND phường Đồng Đa có Công văn số 60 và ngày 06/6/2018 UBND phường Đồng Đa có công văn số 106/UBND-ĐCXD trả lời đơn của ông T nhưng do nội dung trả lời không thỏa đáng nên ông T tiếp tục kiến nghị, khiếu nại. Sau nhiều lần ông T có đơn đề nghị, ngày 10/9/2019 Chủ tịch UBND phường Đồng Đa ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 207/QĐ-UBND với nội dung: không có căn cứ chứng minh việc ông Hoàng Bá T giao hồ sơ cho ông Hoàng Văn T2 là cán bộ địa chính cũ của phường để làm thủ tục mua bán; Thửa đất 276, tờ bản đồ 28, diện tích 347,5 m<sup>2</sup> là đất chưa sử dụng do UBND phường Đồng Đa quản lý, hộ ông Hoàng Bá T có thời điểm sử dụng để trồng hoa màu nhưng không sử dụng ổn định, liên tục trong nhiều năm. Căn cứ khoản 2 Điều 101 Luật đất đai năm 2013 quy định về việc cấp GCN, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất mà không có giấy tờ về quyền sử dụng đất, hộ ông Hoàng Bá T không đủ điều kiện để cấp GCN theo quy định của luật đất đai hiện hành; việc ông Hoàng Bá T yêu cầu bà O và

con trai là Đỗ Thế V phá dỡ công trình vi phạm để trả lại đất cho gia đình ông T là không có cơ sở vì thửa đất 276, tờ bản đồ 28, diện tích 347,5 m<sup>2</sup> là đất chưa sử dụng do UBND phường quản lý, UBND phường sẽ xử lý hành vi lấn đất chưa sử dụng do nhà nước quản lý của bà O theo quy định của pháp luật hiện hành.

Ông Hoàng Bá T không đồng ý với Quyết định số 207/QĐ-UBND đã tiếp tục khiếu nại lần 2 đến UBND thành phố Vĩnh Yên. Ngày 06/3/2020, Chủ tịch UBND thành phố Vĩnh Yên ban hành quyết định giải quyết khiếu nại số 484/QĐ-UBND với kết luận: “việc ông Hoàng Bá T đề nghị cấp GCNQSD đất cho thửa 276, tờ bản đồ 28 bản đồ 2002 (tương ứng thửa 131, 132 tờ bản đồ 06 bản đồ 299) là không có cơ sở; Giấy tờ mua bán giữa ông Hoàng Bá T và ông Hà Đăng P không thể hiện có thửa số 276 tờ bản đồ 28, bản đồ 2002 (thửa số 131, 132 tờ bản đồ 06 bản đồ 299; ông Hà Đăng P chưa từng được giao khoán đất nông Nộp hoặc đăng ký khai hoang đối với thửa 131, 132 tờ bản đồ 06 bản đồ 299; không có căn cứ chứng minh việc ông Hoàng Bá T đưa hồ sơ cho ông Hoàng Văn T2 (địa chính cũ phường) làm thủ tục mua bán nhà đất giữa ông Hoàng Bá T và ông Hà Đăng P; việc UBND phường Đồng Đa quy chủ, kê khai để ông Hoàng Bá T nhận đền bù tại thửa đất 276, tờ bản đồ 28 bản đồ 2002 là lỗi của đơn vị đo đạc và UBND phường Đồng Đa; việc nộp thuế nhà đất của ông Hoàng Bá T từ năm 2003 đến năm 2010 là phù hợp với diện tích đất ở của ông Hoàng Bá T đã được cấp GCN năm 2018”.

Ông Hoàng Bá T không đồng ý với Quyết định số 207/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND phường Đồng Đa và Quyết định số 484/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND thành phố Vĩnh Yên. Bởi lẽ: theo các biên lai thu thuế nhà, đất hiện nay ông T còn lưu giữ thì bắt đầu từ năm 2003, ông T bắt đầu nộp thuế nhà đất đối với diện tích ở đã mua của ông Hà Đăng P; năm 2018 khi Công ty Sông Hồng thủ đô có dự án khu đô thị sinh thái Bắc Đàm Vạc thì UBND phường Đồng Đa lập danh sách đền bù đối với 180 m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 131; các đơn của bà Hà Thị Đ1, bà Hà Thị Đ2, ông Hà Văn N thể hiện gia đình ông P chỉ bán đất ở cho ông T, không bán đất hoang gần nhà là không đúng, không phải các con của ông Hà Đăng P viết, có sự giả mạo; việc UBND phường Đồng Đa cho rằng gia đình bà O đã sử dụng 564 m<sup>2</sup> đất từ trước năm 1980 là không đúng sự thật. Hiện nay gia đình bà O được cấp GCN với diện tích 580,8 m<sup>2</sup> là do bà O đã lấn chiếm 220 m<sup>2</sup> đất vốn thuộc thửa số 132 vì vào năm 2006, do ông T đi làm ăn xa, không có mặt tại địa phương, bà O tự ý lấn chiếm, xây nhà cấp 4 trên diện tích 220 m<sup>2</sup> và kê khai để cơ quan nhà nước tiến hành đo đạc, cấp GCN đối với phần đất này cho bà O. Nay ông Hoàng Bá T khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tuyên hủy Quyết định số 207/QĐ-UBND ngày 10/9/2019 của Chủ tịch UBND phường Đồng Đa và hủy Quyết định số 484/QĐ-UBND ngày 06/3/2020 của Chủ tịch UBND thành phố Vĩnh Yên.

*Người bị kiện là Chủ tịch UBND phường Đồng Đa trình bày:* không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Bá T về đề nghị hủy Quyết định số 207/QĐ-UBND ngày 10/9/2019 của Chủ tịch UBND phường Đồng Đa vì các lý do:

- Về nội dung: ông Hoàng Bá T cho rằng đã nộp hồ sơ mua bán đất giữa ông Hoàng Bá T và ông Hà Đăng P cho ông Hoàng Văn T2 (là cán bộ địa chính cũ của phường Đông Đa) để làm thủ tục chuyển nhượng đất là không có căn cứ vì: ông T không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh việc đưa hồ sơ cho ông T2; kiểm tra hồ sơ lưu giữ tại UBND phường Đông Đa xác định tháng 6 năm 2012 ông T chỉ nộp hồ sơ đề nghị cấp GCN đối với thửa 402, tờ bản đồ 27, diện tích 360,8 m<sup>2</sup> đã mua của ông Hà Đăng P theo giấy bán nhà và cây cối hoa màu ngày 06/02/2002; không có tài liệu, chứng cứ gì liên quan đến việc mua bán giữa ông T với ông P đối với thửa đất số 276 tờ bản đồ 28 bản đồ 2002 mà ông T đề nghị làm thủ tục cấp GCN.

- Về nội dung: ông Hoàng Bá T đề nghị cấp GCN đối với thửa đất số 131, 132 tờ bản đồ 299/TTg tờ số 06 (thửa 276, tờ bản đồ số 28) là không đủ điều kiện cấp GCN vì: kiểm tra bản đồ thửa đất 131, 132 là đất chuyên dùng khác; đối chiếu với bản đồ địa chính đo đạc năm 2001, thửa 131, 132 tờ bản đồ 06 bản đồ 299/TTg được xác định là một phần của thửa 276, tờ bản đồ 28, diện tích 347,5 m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng đất MNC (mặt nước chuyên dùng), sổ mục kê bản đồ địa chính thể hiện chủ sử dụng đất Hoàng Bá T, loại đất: TSN. Năm 2002, đơn vị đo đạc lập bản đồ địa chính đã quy chủ thửa đất 276, tờ bản đồ 28, diện tích 347,5 m<sup>2</sup> mang tên Hoàng Bá T tại thời điểm đó ông T có khai thác phần đất ao để trồng hoa màu, phát triển kinh tế. Từ năm 2004 đến năm 2016, ông T không tiếp tục sử dụng phần đất ao trên do đi làm ăn kinh tế tại địa phương khác. Như vậy, quá trình sử dụng thửa 276, tờ bản đồ 28, diện tích 347,5 m<sup>2</sup> ông Hoàng Bá T không sử dụng ổn định, liên tục vào một mục đích, đất để hoang hóa không sử dụng nhiều năm. Căn cứ khoản 2 Điều 101 Luật đất đai năm 2013 quy định về cấp GCN, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng mà không có các giấy tờ về quyền sử dụng đất, thì ông Hoàng Bá T không sử dụng đất ổn định do đó không đủ điều kiện cấp GCN đối với thửa 276, tờ bản đồ 28, diện tích 347,5 m<sup>2</sup> cũng như các thửa 131, 132 tờ bản đồ 06 bản đồ 299/TTg.

- Về nội dung: ông Hoàng Bá T yêu cầu bà Hà Thị O tháo dỡ tài sản, trả lại đất cho ông Hoàng Bá T là không có cơ sở vì bà Hà Thị O là chủ sử dụng đất giáp ranh với hộ ông T. Bà Hà Thị O được UBND thành phố Vinh Yên cấp GCN tại thửa số 103, tờ bản đồ 27, diện tích 580,8 m<sup>2</sup> vào ngày 05/10/2006.

*Người bị kiện là Chủ tịch UBND thành phố Vinh Yên trình bày:* sau khi Chủ tịch UBND phường Đông Đa ban hành Quyết định 207/QĐ-UBND ngày 10/9/2019, ông Hoàng Bá T cho rằng nội dung không đúng sự thực, vi phạm pháp luật. Chủ tịch UBND thành phố Vinh Yên đã thành lập tổ xác minh đơn, giải quyết khiếu nại của ông Hoàng Bá T. Trên cơ sở báo cáo của Tổ xác minh đơn về kết quả xác minh nội dung khiếu nại, Chủ tịch UBND thành phố ra Quyết định giải quyết khiếu nại số 484/QĐ-UBND ngày 06/3/2020 với nội dung: giữ nguyên nội dung Quyết định số 207/QĐ-UBND ngày 10/9/2019 của Chủ tịch UBND phường Đông Đa do quyết định này đúng pháp luật. Vì các căn cứ: toàn bộ các tài liệu lưu giữ chỉ thể hiện ông Hoàng Bá T mua thửa đất số

129, tờ bản đồ 06 bản đồ 299 diện tích 360 m<sup>2</sup>, nguồn gốc thửa đất này là của ông Hà Đăng T1 (bố đẻ ông P). Ông P bán cho ông T tại hợp đồng kinh tế viết tay ngày 07/02/2002, ông T cho biết có mời ông Hoàng Văn T2 (ông T2 là cán bộ địa chính phường Đồng Đa hiện đã chết) sang chứng thực. Sau khi mua bán ông T cho người khác sử dụng, đến năm 2018 ông Hoàng Bá T đã được nhà nước cấp GCN với diện tích 360,8 m<sup>2</sup> phù hợp với diện tích mua của ông P; thửa đất ông T đề nghị cấp GCN là thửa 131, 132 tờ bản đồ 06, bản đồ 299 hiện nay là một phần của thửa 276 tờ bản đồ 28 bản đồ 2002 diện tích 347,5 m<sup>2</sup> ông T cho rằng có nguồn gốc mua của ông Hà Đăng P nhưng khi kiểm tra sổ sách tại địa phương xác định gia đình ông Hà Đăng P chỉ có 05 thửa đất với diện tích 1676 m<sup>2</sup> không có các thửa đất này. Quá trình làm việc tại địa phương các con của ông Hà Đăng P là bà Hà Thị Đ1, bà Thị Đ2, anh Hà Đăng N xác định gia đình chỉ bán đất ở, không bán đất nông nghiệp cho ông T. Do đó, việc ông Hoàng Bá T đề nghị cấp GCN đối với thửa đất số 131, 132 tờ bản đồ 06, bản đồ 299 (hiện nay là một phần của thửa 276 tờ bản đồ 28 bản đồ 2002) là không có căn cứ; còn về việc ông Hoàng Bá T cho rằng đã nộp hồ sơ gốc đề nghị cấp GCN thể hiện việc mua bán giữa ông T với ông Hà Đăng P đối với thửa 131, 132 tờ bản đồ 06, bản đồ 299 (hiện nay là một phần của thửa 276 tờ bản đồ 28 bản đồ 2002) diện tích 347,5 m<sup>2</sup> là không có cơ sở do ông T không xuất trình tài liệu gì chứng minh; về nội dung ông Hoàng Bá T yêu cầu bà Hà Thị O tháo dỡ tài sản, trả lại đất cho ông Hoàng Bá T là không có cơ sở vì bà Hà Thị O là chủ sử dụng đất giáp ranh với hộ ông T. Bà Hà Thị O được UBND thành phố Vĩnh Yên cấp GCN tại thửa số 103, tờ bản đồ 27, diện tích 580,8 m<sup>2</sup> vào ngày 05/10/2006. Từ các căn cứ như trên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Bá T về đề nghị hủy Quyết định số 484/QĐ-UBND ngày 06/3/2020 của UBND thành phố Vĩnh Yên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND thành phố Vĩnh Yên trình bày: Quyết định số 216/QĐ-UBND ngày 19/01/2018 về việc thu hồi đất thực hiện công trình khu đô thị sinh thái Bắc Đàm Vạc tại phường Đồng Đa, Vĩnh Yên và Quyết định số 217/QĐ-UBND ngày 19/01/2018 về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ GPMB công trình khu đô thị sinh thái Bắc Đàm Vạc tại phường Đồng Đa đã thực hiện việc bồi thường, GPMB cho các hộ dân trên địa bàn phường Đồng Đa. Triển khai các quyết định trên, UBND thành phố Vĩnh Yên đã chỉ Đ1 UBND phường Đồng Đa, các phòng ban, đơn vị liên quan thực hiện việc quy chủ, kiểm kê, lập phương án bồi thường GPMB cho các chủ sử dụng đất trong phạm vi thu hồi đất thực hiện dự án, trong đó có ông T tại thửa đất số 96 tờ bản đồ QH 04, diện tích 152.9 m<sup>2</sup>. Nguồn gốc đất thu hồi của ông Hoàng Bá T tại thửa số 96, tờ bản đồ QH 04.

Theo bản đồ địa chính là thửa đất số 276 tờ bản đồ 28 diện tích 347,5 m<sup>2</sup> có nguồn gốc là đất bờ đầm, chưa sử dụng thuộc quản lý nhà nước. Từ năm 1977 -1978 các hộ dân tại TDP An Định tự ý ra đào lấy đất. Sau khi không lấy đất thì để bỏ hoang thành ao, năm 2002 ông T mua đất của ông P có sử dụng phần diện tích đất ao đó để trồng rau màu phát triển kinh tế, cùng năm 2002 cơ quan nhà nước thực hiện việc đo đạc bản đồ địa chính tại phường Đồng Đa và

ghi chủ sử dụng đất thửa 276 tờ bản đồ 28 diện tích 347,5 m<sup>2</sup> là ông Hoàng Bá T. Căn cứ vào hồ sơ địa chính đo đạc năm 2002 và quy định tại khoản 2 Điều 77 Luật đất đai năm 2013, UBND thành phố đã thực hiện việc thu hồi đất, phê duyệt phương án BT GPMB cho ông Hoàng Bá T tại Quyết định số 216/QĐ-UBND ngày 19/01/2018 về việc thu hồi đất và Quyết định số 217/QĐ-UBND ngày 19/01/2018 về việc phê duyệt phương án BT GPMB công trình khu đô thị sinh thái Bắc Đàm Vạc tại phường Đồng Đa, thành phố Vĩnh Yên là đúng theo quy định. Ông Hoàng Bá T thuộc trường hợp được bồi thường GPMB theo quy định tại khoản 2 Điều 77 Luật đất đai năm 2013 nhưng không đủ điều kiện cấp GCN. Tại thời điểm UBND thành phố Vĩnh Yên thực hiện việc thu hồi, bồi thường theo Quyết định số 216/QĐ-UBND và Quyết định số 217/QĐ-UBND của UBND thành phố Vĩnh Yên thì trên địa bàn phường Đồng Đa có tổng số 117 trường hợp được bồi thường GPMB theo quy định tại khoản 2 Điều 77 Luật đất đai năm 2013 nhưng không đủ điều kiện cấp GCN với tổng số tiền là 5.408.714.864 đồng. Sau khi UBND thành phố thực hiện việc thu hồi đất, bồi thường cho ông Hoàng Bá T theo Quyết định số 216/QĐ-UBND và Quyết định số 217/QĐ-UBND thì UBND phường Đồng Đa có tờ trình số 28/TTr-UBND ngày 05/5/2020 gửi UBND thành phố Vĩnh Yên có nội dung đề nghị điều chỉnh lại Quyết định số 216/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và Quyết định số 217/QĐ-UBND ngày 19/01/2018 về việc phê duyệt phương án BT GPMB công trình khu đô thị sinh thái Bắc Đàm Vạc tại phường Đồng Đa nhưng xét thấy các Quyết định số 216 và 217 là phù hợp nên UBND thành phố Vĩnh Yên vẫn giữ nguyên, không điều chỉnh theo đề nghị của UBND phường Đồng Đa về việc bồi thường cho gia đình ông T quy định tại khoản 2 Điều 77 Luật đất đai năm 2013.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hà Thị O, anh Đỗ Thế V vắng mặt tại phiên tòa, quá trình giải quyết vụ án có quan điểm không đồng ý với yêu cầu của người khởi kiện.

Tại Bản án số 05/2022/HC-ST ngày 16-6-2022, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; quyết định: bác yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Bá T về đề nghị hủy Quyết định số 207/QĐ-UBND ngày 10/9/2019 của Chủ tịch UBND phường Đồng Đa và Quyết định số 484/QĐ-UBND ngày 06/3/2020 của Chủ tịch UBND thành phố Vĩnh Yên về việc giải quyết khiếu nại của ông Hoàng Bá T ở khu HC7, phường Đồng Đa, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 23-6-2022, ông Hoàng Bá T kháng cáo đề nghị chấp nhận các yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền cho rằng việc Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của đương sự là không đúng, không phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án; đề nghị hủy bản án sơ thẩm giải quyết lại vụ án, bảo đảm quyền lợi hợp pháp của đương sự.

Người đại diện hợp pháp người bị kiện đề nghị xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao có ý kiến, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm quyết định bác yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Bá T là có căn cứ, đúng pháp luật; đề nghị giữ nguyên quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm đối với các đương sự.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

#### **[1]. Về thủ tục tố tụng**

Ngày 10/9/2019, Chủ tịch UBND phường Đồng Đa, thành phố Vĩnh Yên ban hành Quyết định số 207/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Hoàng Bá T về nội dung liên quan đến việc đề nghị cấp GCN. Ông Hoàng Bá T cho rằng nội dung Quyết định giải quyết khiếu nại số 207/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND phường Đồng Đa không đúng sự thực, vi phạm pháp luật nên ông T đã làm đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND thành phố Vĩnh Yên. Ngày 06/3/2020, Chủ tịch UBND thành phố Vĩnh Yên ban hành Quyết định số 484/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Hoàng Bá T với nội dung giữ nguyên Quyết định số 207/QĐ-UBND ngày 10/9/2019 của Chủ tịch UBND phường Đồng Đa; do đó, Quyết định số 207/QĐ-UBND ngày 10/9/2019 của Chủ tịch UBND phường Đồng Đa và Quyết định số 484/QĐ-UBND ngày 06/3/2020 của Chủ tịch UBND thành phố Vĩnh Yên là quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực đất đai, là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính.

Sau khi nhận được Quyết định số 207/QĐ-UBND ngày 10/9/2019 của Chủ tịch UBND phường Đồng Đa về giải quyết khiếu nại, ông T không đồng ý đã khiếu nại nên Chủ tịch UBND thành phố Vĩnh Yên ban hành Quyết định số 484/QĐ-UBND ngày 06/3/2020 có nội dung giữ nguyên nội dung Quyết định số 207/QĐ-UBND, ông Hoàng Bá T cho rằng quyết định chưa thỏa đáng, thiếu cơ sở pháp lý, xâm phạm trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông. Ngày 08/6/2020 ông Hoàng Bá T làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án hủy Quyết định số 207/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND phường Đồng Đa và Quyết định số 484/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND thành phố Vĩnh Yên là trong thời hiệu khởi kiện. Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc thụ lý, giải quyết vụ án là đúng.

#### **[2]. Về nội dung**

Xét tính hợp pháp và có căn cứ về hình thức, nội dung của Quyết định số 207/QĐ-UBND ngày 10/9/2019 của Chủ tịch UBND phường Đồng Đa và Quyết định số 484/QĐ-UBND ngày 06/3/2020 của Chủ tịch UBND thành phố Vĩnh Yên về giải quyết khiếu nại của ông Hoàng Bá T.

Về hình thức: Quyết định số 207/QĐ-UBND ngày 10/9/2019 của Chủ tịch UBND phường Đồng Đa và Quyết định số 484/QĐ-UBND ngày 06/3/2020 của

Chủ tịch UBND thành phố Vĩnh Yên ban hành đúng quy định của pháp luật về hình thức văn bản giải quyết khiếu nại.

Về thẩm quyền, trình tự thủ tục ban hành Quyết định số 207/QĐ-UBND ngày 10/9/2019 của Chủ tịch UBND phường Đồng Đa và Quyết định số 484/QĐ-UBND ngày 06/3/2020 của Chủ tịch UBND thành phố Vĩnh Yên thấy rằng: ngày 10/9/2019 Chủ tịch UBND phường Đồng Đa ban hành Quyết định số 207/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Hoàng Bá T, do không đồng ý với Quyết định 207/QĐ-UBND nên ông T đã khiếu nại. Ngày 06/3/2020 Chủ tịch UBND thành phố Vĩnh Yên đã ban hành Quyết định số 484/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại của ông Hoàng Bá T.

Quyết định số 207/QĐ-UBND ngày 10/9/2019 của Chủ tịch UBND phường Đồng Đa và Quyết định số 484/QĐ-UBND ngày 06/3/2020 của Chủ tịch UBND thành phố Vĩnh Yên đã xem xét về nội dung khiếu nại của ông Hoàng Bá T; kết quả giải quyết khiếu nại của người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu; kết quả xác minh nội dung khiếu nại của ông Hoàng Bá T; kết quả đối thoại và các căn cứ pháp luật, từ đó công nhận và giữ nguyên nội dung Quyết định số 207/QĐ-UBND ngày 10/9/2019 của Chủ tịch UBND phường Đồng Đa về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu).

Như vậy, căn cứ vào Điều 204 Luật đất đai; các điều 15, 21, 36, 38, 39 và 40 Luật khiếu nại; khoản 1 Điều 1 Thông tư 02/2016/TT-TTCT ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ về sửa đổi một số điều của Thông tư số 07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Điều 7, Điều 18, Điều 21 Thông tư số 07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính thì Quyết định số 207/QĐ-UBND ngày 10/9/2019 của Chủ tịch UBND phường Đồng Đa và Quyết định số 484/QĐ-UBND ngày 06/3/2020 của Chủ tịch UBND thành phố Vĩnh Yên được ban hành đúng thẩm quyền, trình tự và thủ tục quy định.

Xét về các nội dung Quyết định số 207/QĐ-UBND ngày 10/9/2019 của Chủ tịch UBND phường Đồng Đa và Quyết định số 484/QĐ-UBND ngày 06/3/2020 của Chủ tịch UBND thành phố Vĩnh Yên.

Về nội dung: ông Hoàng Bá T cho rằng đã nộp hồ sơ mua bán đất giữa ông Hoàng Bá T và ông Hà Đăng P cho ông Hoàng Văn T2 (là cán bộ địa chính cũ của phường Đồng Đa nay đã chết) để làm thủ tục chuyển nhượng đất thấy rằng: toàn bộ quá trình giải quyết khiếu nại tại UBND phường Đồng Đa và UBND thành phố Vĩnh Yên ông T không có tài liệu, chứng cứ gì xác định việc đưa hồ sơ cho ông T2; tại các phiên tòa, ông Hoàng Bá T cũng không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh về việc đã đưa hồ sơ cho ông T2; còn các tài liệu lưu giữ tại UBND phường Đồng Đa xác định tháng 6 năm 2012 ông T có nộp hồ sơ đề nghị cấp GCN đối với thửa 402, tờ bản đồ 27, diện tích 360,8 m<sup>2</sup> đã mua của ông Hà Đăng P theo giấy bán nhà và cây cối hoa màu ngày 06/02/2002; không có tài liệu gì liên quan đến việc mua bán giữa ông T với ông P đối với thửa đất số 276 tờ bản đồ 28 bản đồ 2002 mà ông T đề nghị làm thủ tục cấp GCN. Vì



vậy, không có cơ sở xác định ông Hoàng Bá T đã nộp hồ sơ mua bán đất giữa ông Hoàng Bá T với ông Hà Đăng P cho ông Hoàng Văn T2 là cán bộ địa chính của phường Đồng Đa nên nội dung của quyết định giải quyết khiếu nại này là có căn cứ.

Về nội dung: ông Hoàng Bá T yêu cầu bà Hà Thị O tháo dỡ tài sản, trả lại đất cho ông Hoàng Bá T thấy rằng: bà Hà Thị O là chủ sử dụng đất giáp ranh với hộ ông Hoàng Bá T. Bà Hà Thị O được UBND thành phố Vinh Yên cấp GCN tại thửa số 103, tờ bản đồ 27, diện tích 580,8 m<sup>2</sup> vào ngày 05/10/2006. Do vậy bà Hà Thị O có quyền xây dựng các công trình trên phần diện tích đất đã được nhà nước công nhận quyền sử dụng theo quy định của pháp luật. Toàn bộ quá trình giải quyết khiếu nại tại UBND phường Đồng Đa và UBND thành phố Vinh Yên ông T không có tài liệu, chứng cứ gì xác định diện tích đất tại thửa số 103, tờ bản đồ 27, diện tích 580,8 m<sup>2</sup> là của gia đình ông T; tại các Phiên tòa ông Hoàng Bá T cũng không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh diện tích đất gia đình bà Hà Thị O tại thửa số 103, tờ bản đồ 27, diện tích 580,8 m<sup>2</sup> vào ngày 05/10/2006 là của gia đình ông T. Do vậy việc ông Hoàng Bá T yêu cầu gia đình bà Hà Thị O tháo dỡ công trình, trả lại đất cho gia đình ông là không đúng.

Về nội dung ông Hoàng Bá T đề nghị UBND phường Đồng Đa lập hồ sơ địa chính và làm thủ tục cấp GCN tại 02 thửa đất số 131, 132 tờ bản đồ số 6, bản đồ 299 (hiện nay là thửa số 276, tờ bản đồ 28) thấy rằng: về nguồn gốc đất gia đình ông Hoàng Bá T đang quản lý, sử dụng đã được cấp GCN: ông Hoàng Bá T có mua thửa đất số 129 tờ bản đồ 06 bản đồ 299 (theo bản đồ 2002 là thửa số 102 tờ bản đồ 27) của ông Hà Đăng P (diện tích 360 m<sup>2</sup>), nguồn gốc thửa đất này là của ông Hà Đăng T1 (là bố đẻ của ông Hà Đăng P). Ông P bán cho ông T ngày 07/02/2002 tại hợp đồng kinh tế viết tay ngày 07/2/2002, ông T cho biết ngày 07/02/2002 ông T có mời ông Hoàng Văn T2 (nguyên là cán bộ địa chính phường Đồng Đa, hiện đã chết) chứng thực. Sau khi mua bán ông Hoàng Bá T có cho người khác thuê để sử dụng, đến năm 2018 ông T đã được cấp GCN với diện tích 360,8 m<sup>2</sup> phù hợp với diện tích mua bán đối với ông Hà Đăng P; còn thửa đất số 131,132 tờ bản đồ 06 bản đồ 299 do ông T đề nghị làm thủ tục cấp GCN (hiện nay là một phần thửa đất 276 tờ bản đồ 28 bản đồ 2002 diện tích 347,5 m<sup>2</sup>) có nguồn gốc mua của ông Hà Đăng P. Kiểm tra hồ sơ mua bán đất giữa ông Hoàng Bá T với ông Hà Đăng P thể hiện: Giấy bán nhà và cây cối hoa màu do ông Hà Đăng P viết ngày 06/2/2002 có nội dung: nhất trí bán cho anh Hoàng Bá T là thương binh  $\frac{3}{4}$  khu hành chính số 3 Đồng Đa - Vinh Yên - Vĩnh Phúc như sau: công trình phụ 12 m<sup>2</sup>, cây cối hoa màu nằm trên diện tích đất, chiều rộng trên dưới như nhau 9,20 m, dài 60 m có công đi dài 6,4 m, rộng 2,1 m, cổng đi đằng sau nhà tôi có ao, phía đông giáp nhà bà O + H, phía Bắc giáp nhà ông Nguyễn, phía Tây giáp nhà tôi, phía Nam giáp đầm nước, số tiền 20.000.000 đồng. Đối chiếu trên bản đồ 299 đây là thửa đất số 129 tờ bản đồ 06 theo trích lục của UBND phường Đồng Đa năm 1995. Không có thửa số 131,132 tờ bản đồ 06 bản đồ 299, tương ứng thửa 276 tờ bản đồ 28 bản đồ 2002; Giấy biên nhận do ông Hà Đăng P viết ngày 07/2/2002: trên mảnh đất có diện tích 360 m<sup>2</sup>, tên tôi là Hà Đăng P 55 tuổi, có chuyển nhượng cho anh Hoàng Bá

T khu 3 Đồng Đa, Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc chuyển nhượng với diện tích công trình phụ trên với giá 20.000.000 đồng; Sơ đồ mặt bằng lô đất 129 được lập ngày 07/3/1995 thể hiện ranh giới thửa đất của ông Hà Đăng P: phía Đông giáp hộ bà O, bờ chiêm; phía Nam giáp bờ chiêm phía Tây giáp hộ Anh Tâm. Tại sơ đồ này không thể hiện thửa đất số 276 tờ bản đồ 28 bản đồ 2002 (trên bản đồ 299 là thửa đất số 132, tờ bản đồ 06); Đơn xin xác nhận lịch sử nhà đất ngày 10/6/2012 của ông Hoàng Bá T có chữ ký của ông T, chủ hộ phía Nam (ông Đỗ Mạnh H), chủ hộ phía bắc (bà Nguyễn Thị Tắm), trong đơn ông T khẳng định: về lịch sử nhà đất là của ông Hà Đăng P sử dụng trước năm 1980, đến năm 2002 ông Hà Đăng P có chuyển nhượng lại phần diện tích đất 360,8 m cho tôi; Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất lập ngày 25/3/2013 có chữ ký của ông Hoàng Bá T, Đ2 diện Trường khu, cán bộ địa chính, UBND phường và cán bộ đo đạc văn phòng ĐKĐĐ. Thể hiện trên sơ đồ: phía Đông giáp hộ ông H, phía Tây giáp hộ ông P, trên sơ đồ không thể hiện thửa đất 276 tờ bản đồ 28 bản đồ 2002 mà ông T đề nghị cấp GCN. Bản mô tả này đã được ông T ký xác nhận và không có khiếu nại phản ánh gì.

Sổ giao khoán đất nông Nộp quỹ 1 của ông Hà Đăng P: ông Hà Đăng P được nhà nước giao khoán gồm 05 thửa với diện tích là 1676 m<sup>2</sup> tại các xứ đồng: Đồng Gò Cóc: tờ bản đồ 06, thửa 322; Đồng Vèo: tờ bản đồ 18, thửa 43; Đồng Gầu: tờ bản đồ 7, thửa 142; Đồng Giếng: tờ bản đồ 6, thửa 123; Đồng Văn Hoá: tờ bản đồ 6, thửa 109 + 186 + 235 đều không thể hiện có thửa 131, 132. Như vậy ông Hà Đăng P không có thửa số 131, 132 tờ bản đồ 06 bản đồ 299, tương ứng thửa 276 tờ bản đồ 28 bản đồ 2002.

Bà Hà Thị Đ1 (là con gái ông Hà Đăng P) cùng các em là Hà Thị Đ2, Hà Văn N có đơn gửi UBND phường Đồng Đa, trong đơn có nội dung: gia đình có bán đất ở cho nhà chú T, nhưng chỉ bán đất ở chứ không hề bán đất hoang gần nhà tôi. GCN của ông Hoàng Bá T được cấp năm 2018 có diện tích 360,8 m<sup>2</sup>, diện tích này đúng với diện tích đất ông Hà Đăng P đã bán cho ông T năm 2002 là 360 m<sup>2</sup>. Tại các phiên tòa, ông T và chị Phương là người được ông T ủy quyền cho rằng chưa có căn cứ xác định các đơn trên có phải là của thành viên gia đình ông Hà Đăng P hay không. Xét thấy: đơn của các thành viên gia đình ông P không phải là tài liệu, chứng cứ căn bản xác định việc ông T đề nghị làm thủ tục cấp GCN đối với thửa đất 131, 132 là phù hợp hay không mà đây chỉ là một trong các tài liệu xem xét. Tuy nhiên, nội dung đơn của bà Đ1, bà Đ2, ông N phù hợp với các tài liệu khác đó là giấy mua bán đất giữa ông T với ông P ngày 06/02/2002, nguồn gốc, quá trình sử dụng thửa đất 131, 132 nên được chấp nhận.

Về việc nộp thuế 200 m<sup>2</sup> đất thổ cư của ông T: theo kết quả kiểm tra, rà soát của Chi cục thuế thành phố Vĩnh Yên tại văn bản số 80/CCT-QLTTNCNTB&TK ngày 04/3/2019: theo diện tích thực tế sử dụng là 361 m<sup>2</sup> trong đó diện tích phân bổ là 161 m<sup>2</sup> và diện tích tính thuế là 200 m<sup>2</sup> của lô đất có số hiệu lô đất 102, số tờ bản đồ 27. Diện tích ông T nộp thuế không nằm trên thửa đất số thửa 276, tờ bản đồ 28 bản đồ 2002. Tại các phiên tòa ông T và người được ủy quyền cho rằng gia đình ông T sử dụng liên tục đối với thửa đất

131, 132 thể hiện bằng việc hàng năm thực hiện nghĩa vụ thuế đầy đủ đối với nhà nước. Tuy nhiên, phía người bị kiện đã chứng minh các Pếu thu này là Pếu thu thuế đất thổ cư đối với thửa đất số 129 do ông T đã được nhà nước cấp GCN năm 2018, không phải nộp thuế đối với các thửa 131, 132 và ông T là người khởi kiện không có căn cứ gì phản bác được điều này.

- Về nội dung ông Hoàng Bá T cho rằng:

Quyết định số 216/QĐ-UBND ngày 19/01/2018 và Quyết định số 217/QĐ-UBND ngày 19/01/2018 đã thực hiện việc bồi thường cho gia đình ông tại thửa đất 131, 132 nên đất đó là của gia đình ông thấy rằng: nguồn gốc đất thu hồi của ông Hoàng Bá T tại thửa số 96, tờ bản đồ QH 04: Theo bản đồ địa chính là thửa đất số 276 tờ bản đồ 28 diện tích 347,5 m<sup>2</sup> có nguồn gốc là đất bờ đầm, chưa sử dụng thuộc quản lý nhà nước, từ năm 1977 -1978 các hộ dân tại TDP An Định tự ý ra đào lấy đất. Sau khi không lấy đất thì để bỏ hoang thành ao, năm 2002 ông T mua đất của ông P có sử dụng phần diện tích đất ao đó để trồng rau màu phát triển kinh tế, cùng năm 2002 cơ quan nhà nước thực hiện việc đo đạc bản đồ địa chính tại phường Đồng Đa và ghi chủ sử dụng đất thửa 276 tờ bản đồ 28 diện tích 347,5 m<sup>2</sup> là ông Hoàng Bá T. Căn cứ vào hồ sơ địa chính đo đạc năm 2002 và quy định tại khoản 2 Điều 77 Luật đất đai năm 2013, UBND thành phố đã thực hiện việc thu hồi đất, phê duyệt phương án BTGPMB cho ông Hoàng Bá T là đúng theo quy định. Ông Hoàng Bá T thuộc trường hợp được bồi thường GPMB theo quy định tại khoản 2 Điều 77 Luật đất đai năm 2013 nhưng không đủ điều kiện cấp GCN vì gia đình ông T không sử dụng ổn định, liên tục theo quy định. Tại thời điểm UBND thành phố Vĩnh Yên thực hiện việc thu hồi đất, bồi thường theo Quyết định số 216/QĐ-UBND và Quyết định số 217/QĐ-UBND ngày 19/01/2018 của công trình khu đô thị sinh thái Bắc Đàm Vạc tại phường Đồng Đa, thành phố Vĩnh Yên thì trên địa bàn phường Đồng Đa có 117 trường hợp được bồi thường theo quy định tại khoản 2 Điều 77 Luật đất đai năm 2013 được bồi thường nhưng không đủ điều kiện cấp GCN. Quá trình giải quyết khiếu nại tại UBND phường Đồng Đa, UBND thành phố Vĩnh Yên cũng như quá trình giải quyết vụ án ông Hoàng Bá T luôn cho rằng gia đình đã sử dụng liên tục, ổn định và lúc không sử dụng thì cho người khác thuê đối với thửa đất số 131, 132 (nay là thửa 276). Tuy nhiên, tại các phiên tòa chính ông Hoàng Bá T thừa nhận khoảng năm 2002 đến 2004 gia đình ông T có sử dụng thửa 131, 132 (nay là thửa 276), sau đó khoảng từ năm 2004 đến năm 2016 gia đình không sử dụng mà cho vợ chồng gia đình ở Hải Phòng thuê, khi cho thuê chỉ thỏa thuận miệng, không ký hợp đồng, ông cũng không biết tên, tuổi, địa chỉ của vợ chồng người thuê đất này. Đến năm 2016 khi gia đình ông trở về phường Đồng Đa sinh sống thì không cho thuê thửa đất này nữa, do các thửa đất này là chiêm chũng không canh tác được, thường xuyên ngập nước và nếu có canh tác thì chỉ canh tác một vụ, còn lại làm nơi chứa nước, đến năm 2018 khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án khu đô thị sinh thái Bắc Đàm Vạc, phường Đồng Đa báo gọi gia đình ra nhận tiền bồi thường trên thửa đất này thì gia đình ông ra nhận, gia đình ông cũng không yêu cầu. Từ các căn cứ trên, có đủ cơ sở xác định gia đình ông T có sử dụng thửa đất 131, 132 vào năm 2002 nhưng sau đó không sử

dụng ổn định, liên tục nên việc UBND thành phố Vĩnh Yên bồi thường cho gia đình ông Hoàng Bá T theo quy định tại khoản 2 Điều 77 Luật đất đai năm 2013 là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật. Do vậy nên việc ông T cho rằng các Pếu thu thuế ông T đã nộp đối với thửa đất số 131, 132 là không đúng mà đây chính là Pếu thu đối với diện tích đất đã được cấp GCN vào năm 2018.

Từ những phân tích trên nhận thấy Chủ tịch UBND phường Đồng Đa ban hành Quyết định số 207/QĐ-UBND ngày 10/9/2019 về việc giải quyết khiếu nại của ông Hoàng Bá T với nội dung: không có căn cứ chứng minh ông Hoàng Bá T giao hồ sơ địa chính cho ông Hoàng Văn T2 là cán bộ địa chính cũ của phường để làm thủ tục mua bán; thửa đất 276, tờ bản đồ 28 diện tích 347,5 m<sup>2</sup> là đất chưa sử dụng do UBND phường Đồng Đa quản lý, hộ ông Hoàng Bá T có thời điểm sử dụng trồng hoa màu nhưng không sử dụng ổn định, liên tục không đủ điều kiện cấp GCN; việc ông Hoàng Bá T yêu cầu bà Hà Thị O và con trai là Đỗ Thế V phá dỡ công trình vi phạm để trả lại đất cho ông T là không có căn cứ.

Như vậy, Quyết định số 484/QĐ-UBND ngày 06/3/2020 của Chủ tịch UBND thành phố Vĩnh Yên về việc giải quyết khiếu nại của ông Hoàng Bá T nội dung giữ nguyên Quyết định số 207/QĐ-UBND ngày 10/9/2019 của UBND phường Đồng Đa là đúng.

Với các lí do trên, xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định bác yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Bá T là có căn cứ, đúng pháp luật. Không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông T.

[3]. Về án phí: ông T sinh năm 1956, là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên ông T không phải nộp án phí phúc thẩm.

*Bởi các lẽ trên;*

#### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Bác kháng cáo của ông Hoàng Bá T và giữ nguyên quyết định của Bản án số 05/2022/HC-ST ngày 16-6-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Cục THA dân sự tỉnh Vĩnh Phúc;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: HSVA, PHCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Tất Nam**

